

THÍCH ỨNG CỦA CÁC NHÓM YẾU THỂ QUA THAY ĐỔI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH VÀ THAY ĐỔI VIỆC LÀM, NGHỀ NGHIỆP

GS.TS. Vũ Dũng

Viện trưởng Viện Tâm lý học.

TÓM TẮT

Nghiên cứu thực trạng thích ứng về mặt hành vi của các nhóm xã hội yếu thế thể hiện qua thay đổi hoạt động sản xuất kinh doanh, qua thay đổi thu nhập và mức sống cho thấy, mức độ thích ứng của các nhóm này là khá thấp. Họ không thay đổi nhiều các hoạt động sản xuất của mình trong bối cảnh nền kinh tế thị trường hiện nay ở nước ta. Số người chuyển sang các hoạt động kinh doanh để có hiệu quả kinh tế cao chiếm tỷ lệ thấp trong số người được khảo sát. Họ chủ yếu vẫn sản xuất theo cách thức truyền thống. Các nhóm yếu thế ít thay đổi về việc làm và nghề nghiệp.

Từ khoá: *Thay đổi cơ cấu vật nuôi; cây trồng; chuyển đổi nghề; kinh doanh; việc làm.*

Ngày nhận bài: 28/4/2012; Ngày duyệt đăng bài: 20/5/2012

1. Thích ứng của các nhóm yếu thế qua thay đổi hoạt động sản xuất, kinh doanh

Để nghiên cứu thích ứng của các nhóm yếu thế qua thay đổi hoạt động sản xuất, kinh doanh trong nội dung nghiên cứu thực trạng thích ứng về mặt hành vi các nhóm yếu thế, đề tài đã tiến hành khảo sát gần 2.000 người yếu thế là những người cao tuổi, người mắc bệnh hiểm nghèo, người tàn tật tại Hà Nội và Đà Nẵng bằng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, phỏng vấn sâu, nghiên cứu tư liệu và thống kê toán học.

Trong phần này, chúng ta sẽ tìm hiểu sự thích ứng của họ qua thay đổi về hành vi trong sản xuất, kinh doanh, lý giải về thực trạng thích ứng này và so sánh mức độ thích ứng của các nhóm yếu thế qua các biến số: nhóm nghề, nhóm yếu thế, giới tính và học vấn của khách thể điều tra.

Bảng 1: Hành vi thích ứng của nhóm người cao tuổi, người tàn tật, người mắc bệnh hiểm nghèo để phát triển sản xuất (Số liệu chung)

TT	Các hoạt động phát triển sản xuất	Tỷ lệ (%)	Thứ bậc
1	Đầu tư cho sản xuất	20,3	3
2	Hướng dẫn con cái làm ăn	4,8	5
3	Phát triển chăn nuôi	32,5	1
4	Thay đổi kỹ thuật canh tác, chăn nuôi	28,5	2
5	Chuyển sang kinh doanh	12,2	4
6	Nghi cách làm thêm	1,8	6

Phân tích số liệu bảng 1 cho thấy: những hoạt động sản xuất, kinh doanh của người cao tuổi thực hiện dễ thích nghi với cuộc sống thì hoạt động phát triển chăn nuôi chiếm tỷ lệ cao nhất (32,5%), tiếp đến là thay đổi kỹ thuật canh tác, chăn nuôi, áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất chiếm vị trí thứ hai (28,5%), vị trí thứ ba là đầu tư cho sản xuất. Các hình thức hoạt động quan trọng như chuyển sang kinh doanh, làm thêm chiếm tỷ lệ thấp. Đây cũng biểu hiện sự khó khăn trong việc thích ứng về kinh tế của những người yếu thể được khảo sát.

Chúng ta hãy xem một số ý kiến cụ thể của những người yếu thể. Một số người phát triển sản xuất bằng cách chuyển đổi cây trồng, vật nuôi: "*Cùng có cây trồng, vật nuôi*" (Nam, 52 tuổi, làm ruộng, Hà Nội); "*Áp dụng trong sản xuất và chăn nuôi*" (Nữ, 53 tuổi, học văn 5/10, làm ruộng, Hà Nội); "*Thay đổi cơ chế sản xuất cũ áp dụng khoa học kỹ thuật vào cây trồng, để có hiệu quả cao, chúng tôi cần kinh phí*" (Nữ, 57 tuổi, làm ruộng, Hà Nội); "*Tìm giống phù hợp, làm đúng kỹ thuật*" (Nữ, 53 tuổi, học văn 2/10, làm ruộng, Đà Nẵng); "*Từ trồng lúa sang trồng hoa*" (Nam, 60 tuổi, học văn 9, làm ruộng, Hà Nội); "*Thay đổi cách chăm sóc và thay đổi giống lúa để có hiệu quả hơn*" (Nữ, 84 tuổi, không biết chữ, nông dân, Hà Nội); "*Trồng cây lâu năm*" (Nam, 85 tuổi, không biết chữ, làm ruộng, Hà Nội); "*Thay đổi giống cây trồng, sử dụng loại cây con, giống có năng suất cao*" (Nam, 49 tuổi, học văn 10, trồng trọt, Hà Nội); "*Thực khuya dậy sớm, nuôi heo làm kinh tế*" (Nam, 45 tuổi, học văn 9, làm ruộng, Hà Nội)...

Một số người yếu thể khác lại chuyển sang hình thức mở cửa hàng kinh doanh: "*Chuyển từ sản xuất sang kinh doanh*" (Nam, 57 tuổi, học văn 7/12, kinh doanh, Hà Nội); "*Con học nghề, tính toán để mở cửa hàng phát triển,*

nhưng chưa đủ 50 triệu" (Nữ, 54 tuổi, học vấn 5/10, làm ruộng, Đà Nẵng); "Con học nghề điện tử nhưng chưa có tiền để mở quán" (Nữ, 55 tuổi, học vấn 2/10, làm ruộng, Đà Nẵng).



Ảnh 1: Sự trần trụi, lo toan vì cuộc sống của người cao tuổi

Nguồn: Ảnh internet, tháng 3/2012

"Mở hàng buôn bán, dù vợ đi không được nhưng bán hàng tại quầy" (Nam, 40 tuổi, học vấn 12/12, làm ruộng, Đà Nẵng); "Gia đình chuyển từ làm nông sang buôn bán nhờ" (Nữ, 48 tuổi, học vấn 9/12, làm ruộng, Đà Nẵng); "Kiếm thêm vốn để kinh doanh và chăn nuôi" (Nữ, 45 tuổi, học vấn 9/12, buôn bán, Đà Nẵng); "Làm nông nghiệp thì không giàu được, nên gia đình tôi đã phát triển về buôn bán và sửa chữa xe máy" (Nam, 60 tuổi, học vấn 9, làm ruộng, Hà Nội)...



Ảnh 2: Sự vất vả của người nông dân để mưu sinh

Nguồn: Ảnh internet, tháng 3/2012

Qua các ý kiến của những người yếu thế, ta thấy để thích ứng với cơ chế thị trường, những người yếu thế đã phải thay đổi hoạt động sản xuất của mình để có hiệu quả kinh tế cao hơn như: thay đổi cây trồng, thay đổi vật nuôi, áp dụng khoa học kỹ thuật vào trồng trọt, chăn nuôi, mở quầy hàng buôn bán, cho con đi học nghề để tìm việc làm, chuyển sang nghề phụ, chuyển sang kinh doanh, cần cù, chăm chỉ hơn...

Chúng ta sẽ xem xét sự thay đổi hành vi trong sản xuất của các nhóm yếu thế theo các biến số: nhóm nghề, nhóm yếu thế, giới tính, học vấn của người được phỏng vấn. Theo nhóm nghề ta có số liệu tại bảng 2.

Bảng 2: Hành vi thích ứng của nhóm người cao tuổi, người tàn tật, người mắc bệnh hiểm nghèo để phát triển sản xuất
(Theo nhóm nghề)

TT	Sự thay đổi	Nhóm nghề (%)			Chung
		Làm ruộng	Làm nghề khác	Về hưu	
1	Đầu tư cho sản xuất	16,3	4,0		20,3
2	Hướng dẫn con cái làm ăn	2,8	-	2,0	4,8
3	Phát triển chăn nuôi	26,0	5,8	0,7	32,5
4	Thay đổi kỹ thuật canh tác, chăn nuôi	25,3	2,2	1,0	28,5
5	Chuyển sang kinh doanh	9,1	3,1	-	12,2
6	Nghĩ cách làm thêm	1,2	0,6	-	1,8

Phân tích số liệu bảng 2 ta thấy: sự chuyển đổi hành vi sản xuất chủ yếu ở nhóm người yếu thế làm ruộng và sự chuyển đổi này ở mức độ rất thấp đối với nhóm người về hưu. Chẳng hạn, sự phát triển chăn nuôi ở nhóm làm ruộng có tỷ lệ là 26%, trong khi đó, ở nhóm về hưu là 0,7%. Ở hoạt động đầu tư cho sản xuất, ở nhóm làm ruộng có tỷ lệ là 16,3%, trong khi đó, ở nhóm về hưu là 0%. Ở hoạt động chuyển sang kinh doanh, ở nhóm làm ruộng có tỷ lệ là 9,1%, trong khi đó, ở nhóm về hưu là 0%. Hệ số tương quan $p = 0,000 (< 0,05)$, cho thấy sự tương quan giữa các nhóm là có ý nghĩa về mặt thống kê. Sự khác biệt này xuất phát từ những khó khăn của cuộc sống. Nhóm về hưu đã có lương hưu - mức thu nhập khá ổn định, trong khi đó, nhóm làm ruộng cuộc sống gặp nhiều khó khăn hơn, đối mặt với những rủi ro cao hơn do thiên nhiên, dịch bệnh, thị trường... Nếu xét theo nhóm yếu thế ta có các số liệu điều tra sau:

Bảng 3: Hành vi thích ứng của nhóm người cao tuổi, người tàn tật, người mắc bệnh hiểm nghèo để phát triển sản xuất (Theo nhóm yếu thế)

TT	Sự thay đổi	Nhóm yếu thế (%)		Chung
		Người cao tuổi	Người mắc bệnh, tàn tật	
1	Đầu tư cho sản xuất	19,2	1,1	20,3
2	Hướng dẫn con cái làm ăn	1,2	3,6	4,8
3	Phát triển chăn nuôi	21,0	11,5	32,5
4	Thay đổi kỹ thuật canh tác, chăn nuôi	22,3	6,2	28,5
5	Chuyển sang kinh doanh	7,2	5,0	12,2
6	Nghĩ cách làm thêm	1,2	0,6	1,8

Phân tích số liệu bảng 3 ta thấy: sự thích ứng qua thay đổi hoạt động sản xuất của nhóm người cao tuổi tốt hơn so với nhóm người bị mắc bệnh hiểm nghèo, người tàn tật. Điều này là dễ dàng lý giải, vì những người mắc bệnh, người tàn tật gặp nhiều khó khăn trong hoạt động từ sinh hoạt đến các hoạt động sản xuất. Do vậy, họ rất khó khăn trong thích ứng với cuộc sống.

Bảng 4: Hành vi thích ứng của nhóm người cao tuổi, người tàn tật, người mắc bệnh hiểm nghèo để phát triển sản xuất (Theo giới tính)

TT	Sự thay đổi	Giới tính (%)		Chung
		Nam	Nữ	
1	Đầu tư cho sản xuất	13,5	6,8	20,3
2	Hướng dẫn con cái làm ăn	3,6	1,2	4,8
3	Phát triển chăn nuôi	16,0	16,5	32,5
4	Thay đổi kỹ thuật canh tác, chăn nuôi	20,1	8,4	28,5
5	Chuyển sang kinh doanh	7,8	4,4	12,2
6	Nghĩ cách làm thêm	1,3	0,5	1,8

Nếu xét theo giới tính (bảng 4) ta thấy: sự thay đổi hành vi để phát triển sản xuất của những người yếu thế là nam giới có tỷ lệ ý kiến cao hơn nhóm nữ giới. Điều này cho thấy, sự thích ứng của những người yếu thế nam tốt hơn những người yếu thế là nữ. Điều đáng chú ý là hoạt động phát triển chăn nuôi ở nhóm nữ giới cao hơn nam giới, song sự chênh lệch giữa hai nhóm không đáng kể. Nếu xét theo học vấn ta có số liệu sau:

Bảng 5: Hành vi thích ứng của nhóm người cao tuổi, người tàn tật, người mắc bệnh hiểm nghèo để phát triển sản xuất
(Theo nhóm học vấn)

TT	Sự thay đổi	Nhóm học vấn (%)			Chung
		Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3 trở lên	
1	Đầu tư cho sản xuất	4,8	6,2	9,3	20,3
2	Hướng dẫn con cái làm ăn	1,2	2,0	1,6	4,8
3	Phát triển chăn nuôi	5,3	20,3	6,7	32,5
4	Thay đổi kỹ thuật canh tác, chăn nuôi	6,8	10,6	11,1	28,5
5	Chuyển sang kinh doanh	1,2	3,2	7,8	12,2
6	Nghĩ cách làm thêm	0,3	0,5	1,0	1,8

Tỷ lệ ý kiến ở các nhóm học vấn cấp 2, cấp 3 trở lên cao hơn nhóm học vấn của nhóm cấp 1, trong đó, nhóm học vấn cấp 3 có tỷ lệ ý kiến cao nhất. Như vậy, các nhóm có học vấn cao hơn thì khả năng thích ứng với cuộc sống cũng tốt hơn. Tất nhiên, ở nhiều trường hợp sự thích ứng còn phụ thuộc vào những yếu tố khác như sức khỏe (như đã phân tích ở trên), tính cách (năng động, dám nghĩ, dám làm hay trì trệ), khả năng giao tiếp của cá nhân... Khi cá nhân có học vấn tốt hơn thì họ có thể nhận thức các vấn đề liên quan đến phát triển sản xuất tốt hơn, tiếp thu các tiến bộ của khoa học công nghệ cũng tốt hơn. Điều này sẽ thuận lợi cho sự thích ứng của các nhóm yếu thế. Hệ số tương quan $p = 0,000 (< 0,05)$ cho thấy, sự tương quan giữa các nhóm học vấn là có ý nghĩa về thống kê.

2. Thích ứng của các nhóm yếu thế qua thay đổi việc làm và nghề nghiệp

Cùng với việc thay đổi, phát triển các hoạt động về sản xuất, kinh doanh thì việc thay đổi việc làm, nghề nghiệp là một biểu hiện khác về hành vi của các nhóm yếu thế trong việc thích ứng với cuộc sống. Trong môi trường sống

luôn thay đổi và cạnh tranh cao như nền kinh tế thị trường thì con người phải năng động. Một trong những sự năng động đó là thay đổi việc làm, nghề nghiệp để đáp ứng với yêu cầu của xã hội. Mặt khác, chính cơ chế thị trường cũng tạo ra nhiều cơ hội để cho các cá nhân tìm kiếm các việc làm phù hợp với khả năng của mình. Trong những năm gần đây, chúng ta phát triển các khu công nghiệp và chế xuất, phát triển các khu đô thị mới, phát triển cơ sở hạ tầng... đã làm cho đất sản xuất của nông dân bị thu hẹp rất nhiều. Nhiều nơi nông dân mất đất sản xuất phải thay đổi nghề truyền thống là sản xuất nông nghiệp, phải thay đổi việc làm. Đây là một yêu cầu đòi hỏi nông dân, trong đó có những nông dân yếu thế phải thích ứng với môi trường sống mới. Sự thay đổi việc làm và nghề nghiệp là vấn đề không đơn giản. Vì mỗi việc làm hay nghề nghiệp đòi hỏi người thực hiện phải có tri thức (hiểu biết về nghề, về công việc) và có những kỹ năng nhất định. Đây là thách thức lớn đối với những người yếu thế. Kết quả khảo sát về vấn đề này phản ánh qua các bảng số liệu dưới đây:

Bảng 6: Thay đổi việc làm, nghề nghiệp của nhóm người cao tuổi, người mắc bệnh hiểm nghèo (Số liệu chung)

TT	Sự thay đổi việc làm và nghề nghiệp	Tỷ lệ (%)
1	Có thay đổi	26,7
2	Không thay đổi	73,2

Phân tích số liệu bảng 6 ta thấy: chỉ có một tỷ lệ khá thấp (26,7%) số người yếu thế được hỏi trả lời họ có sự thay đổi việc làm, nghề nghiệp để thích ứng với cuộc sống. Tỷ lệ người yếu thế không thay đổi việc làm, nghề nghiệp chiếm đại đa số người được hỏi (73,2%). Như vậy, cứ 10 người được hỏi thì chỉ có khoảng 3 người có thay đổi việc làm, nghề nghiệp. Đây cũng là một trong các chỉ số phản ánh mức độ thích ứng thấp về hành vi của những người yếu thế được khảo sát.

Tại sao đa số những người được hỏi lại khẳng định là họ không thay đổi việc làm, nghề nghiệp? Chúng ta sẽ hiểu rõ thêm điều này qua ý kiến cụ thể của những người yếu thế. "Vì tuổi cao nên chỉ làm theo lối cũ, neo người lao động, con cái đi làm ăn xa" (Nữ, 70 tuổi, lớp 1, làm ruộng, Đà Nẵng); "Vì gia đình làm nông truyền thống, nên không quen làm theo cách mới" (Nam, 70 tuổi, lớp 3/2, làm ruộng, Đà Nẵng); "Vì sản xuất theo cơ chế mới chúng tôi không đủ kiến thức và kinh phí để áp dụng khoa học vào sản xuất" (Nữ, 60 tuổi, làm ruộng, Hà Nội); "Vì không có điều kiện mua giống cây, giống lúa tốt" (Nữ, 65 tuổi, học vấn 4, làm ruộng, Hà Nội); "Già rồi không tính toán được nữa" (Nữ,

72 tuổi, học vấn 3, Hà Nội); "Không có ruộng làm, đi làm thuê phụ thuộc vào nhu cầu thuê của xung quanh" (Nam, 52 tuổi, học vấn 0, làm ruộng, Hà Nội)...

Qua các ý kiến của ở trên ta thấy: sở dĩ những người yếu thế không thay đổi được việc làm, nghề nghiệp là do sức khoẻ, do già yếu, thiếu vốn...

Chúng ta sẽ hiểu đầy đủ hơn mức độ thích ứng hành vi của các nhóm yếu thế qua thay đổi việc làm, nghề nghiệp khi xét theo các biến số: nhóm nghề, nhóm yếu thế, giới tính và học vấn.

Bảng 7: Thay đổi việc làm, nghề nghiệp của nhóm người cao tuổi, người mắc bệnh hiểm nghèo (Theo nhóm nghề)

TT	Sự thay đổi	Nhóm nghề (%)			Chung
		Làm ruộng	Làm nghề khác	Về hưu	
1	Có thay đổi	22.7	3.1	0.9	26.7
2	Không thay đổi	52.1	9.1	12.0	73.2

Nếu xét theo nhóm nghề ta thấy, nhóm yếu thế làm ruộng thay đổi việc làm, nghề nghiệp cao nhất (22,7%), trong khi đó, nhóm nghề khác và nhóm hưu trí thay đổi ít nhất (3,1% và 0,9%). Điều này dễ dàng lý giải được vì như đã đề cập ở trên nông dân ở nhiều vùng hiện nay bị mất đất sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là ở hai thành phố lớn là Hà Nội và Đà Nẵng. Đây là hai thành phố có tốc độ đô thị hoá nhanh, phát triển nhiều khu công nghiệp, chế xuất, nhất là Hà Nội. Khi bị mất đất sản xuất buộc nông dân phải tìm việc làm mới, phải thay đổi các nghề truyền thống của mình. Đây cũng là nguyên nhân lý giải cho hiện tượng dòng người di cư từ khu vực nông thôn ra các thành phố lớn tìm việc làm. Họ làm nhiều việc khác nhau từ xây dựng, bốc vác, thu gom phế thải, buôn bán các mặt hàng tiêu dùng, làm ôsin, phục vụ nhà hàng... Tuy vậy, trong số những nông dân thay đổi việc làm, nghề nghiệp đó dễ thích ứng với cuộc sống thì những người yếu thế chiếm tỷ lệ thấp. Qua tìm hiểu chúng tôi được biết, yếu tố sức khoẻ, thiếu vốn vẫn là những nguyên nhân chính của mức độ thấp về thay đổi công việc, nghề nghiệp này của những người yếu thế. Hệ số tương quan $p = 0,000 (< 0,05)$ cho thấy, sự tương quan giữa các nhóm là có ý nghĩa về mặt thống kê. Chúng ta sẽ xem xét thực trạng này qua các biến số.

Qua số liệu điều tra tại bảng 8 ta thấy: đối với những người có thay đổi việc làm, nghề nghiệp thì tỷ lệ ý kiến giữa hai nhóm người cao tuổi và người mắc bệnh hiểm nghèo, tàn tật là gần tương đương nhau, sự chênh lệch giữa hai nhóm là không đáng kể. Ngay cả số người không thay đổi việc làm, nghề

ng nghiệp thì tỷ lệ ý kiến cũng chênh lệch không nhiều. Điều này cho thấy, mức độ thích ứng giữa hai nhóm là tương đương nhau.

Bảng 8: Thay đổi việc làm, nghề nghiệp của nhóm người cao tuổi, người mắc bệnh hiểm nghèo, người tàn tật (Theo nhóm yếu thế)

TT	Sự thay đổi	Nhóm yếu thế (%)		Chung
		Người cao tuổi	Người mắc bệnh, tàn tật	
1	Có thay đổi	13,0	13,7	26,7
2	Không thay đổi	39,9	33,3	73,2

Nếu xét theo giới ta thấy: đối với những người có thay đổi việc làm, nghề nghiệp thì tỷ lệ ý kiến của nhóm người yếu thế là nữ có tỷ lệ cao hơn nhóm người yếu thế là nam. Điều đó chứng tỏ, nữ giới thay đổi công việc nhiều hơn nam. Đây là một thực tế ở nhiều vùng quê ở nước ta hiện nay. Nhiều gia đình phụ nữ (vợ, con gái) đi ra thành phố tìm việc làm hay đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, còn những người đàn ông ở nhà chăm sóc con cái, chăm lo việc gia đình. Ở các đô thị, người phụ nữ có nhiều cơ hội kiếm việc làm hơn như bán hàng rong, thu mua phế thải, làm ôsin, làm thuê trong các nhà hàng... Trong khi đó, nam giới chủ yếu làm xây dựng, xe ôm, cừ vụn. Tuy vậy, sự chênh lệch ý kiến giữa hai nhóm là không nhiều. Điều đó chứng tỏ mức độ thích nghi xét theo giới tính cũng không khác biệt nhiều.

Bảng 9: Thay đổi việc làm, nghề nghiệp của nhóm người cao tuổi, người mắc bệnh hiểm nghèo, người tàn tật (Theo giới tính)

TT	Sự thay đổi	Giới tính (%)		Chung
		Nam	Nữ	
1	Có thay đổi	11,2	15,5	26,7
2	Không thay đổi	28,4	44,8	73,2

Nếu theo biến số nhóm yếu thế và giới tính, sự khác biệt về sự thích ứng giữa các nhóm là không rõ rệt thì khi xét theo học vấn, sự khác biệt này tương đối rõ. Những người có học vấn cao hơn thì sự thay đổi việc làm, nghề nghiệp cũng nhiều hơn nhóm có học vấn thấp hơn. Như vậy, học vấn cũng là một yếu

lẽ có ảnh hưởng rõ rệt đến thích ứng của những người yếu thế được khảo sát. Hệ số tương quan $p = 0,000 (< 0,05)$ phản ánh sự khác biệt giữa các nhóm là có ý nghĩa về mặt thống kê.

Bảng 10: Thay đổi việc làm, nghề nghiệp của nhóm người cao tuổi, người mắc bệnh hiểm nghèo, người tàn tật (Theo nhóm học vấn)

TT	Sự thay đổi	Nhóm học vấn (%)			Chung
		Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3 trở lên	
1	Có thay đổi	4,0	7,6	15,1	26,7
2	Không thay đổi	16,6	26,5	30,1	73,2

Tuy chỉ có một tỷ lệ khá khiêm tốn những người yếu thế được hỏi cho rằng, họ đã thay đổi việc làm, nghề nghiệp. Một câu hỏi đặt ra là: *Những người yếu thế đã thay đổi việc làm, nghề nghiệp như thế nào?* Qua xử lý câu hỏi mở đã cho kết quả như sau:

Từ số liệu tại bảng 11 cho thấy: những người yếu thế chuyển hẳn sang nghề khác chiếm tỷ lệ cao nhất trong số những người được hỏi (30,6%), xếp ở vị trí thứ 2 là thay đổi sang những công việc mà xã hội có nhu cầu (28,2%). Một tỷ lệ khá lớn những người có thay đổi việc làm là đi làm thêm (28%). Số những người mở một hàng kinh doanh chiếm tỷ lệ thấp nhất (13,2%). Điều này phù hợp với những khó khăn mà chúng ta đã phân tích ở trên là những người yếu thế được hỏi khó khăn về vốn làm ăn.

Bảng 11: Sự thay đổi việc làm, nghề nghiệp của nhóm người cao tuổi, người mắc bệnh hiểm nghèo, người tàn tật (Số liệu chung)

TT	Biểu hiện cụ thể của sự thay đổi suy nghĩ, tính toán	Tỷ lệ (%)	Thứ tự
1	Mở thêm một hàng kinh doanh	13,2	4
2	Thay đổi công việc theo yêu cầu xã hội	28,2	2
3	Đổi sang nghề khác	30,6	1
4	Đi làm thêm	28,0	3

Ở đây, chúng tôi muốn phân tích sâu hơn số những người yếu thế chuyển sang nghề khác. Họ là ai? Tại sao phải chuyển sang nghề khác? Kết quả điều

tra của đề tài cho thấy, số này chủ yếu thuộc về những người yếu thế ở nông thôn. Số liệu tại bảng 12 dưới đây đã minh chứng cho điều này.

Bảng 12: Sự thay việc làm và nghề nghiệp của nhóm người cao tuổi, người mắc bệnh hiểm nghèo, người tàn tật (Theo nhóm nghề)

TT	Sự thay đổi	Nhóm nghề (%)			Chung
		Làm ruộng	Làm nghề khác	Về hưu	
1	Mở thêm mặt hàng kinh doanh	10,1	3,1		13,2
2	Thay đổi công việc theo yêu cầu xã hội	25,9	2,0	0,3	28,2
3	Đổi sang nghề khác	23,1	4,4	3,1	30,6
4	Đi làm thêm	22,5	3,0	2,5	28,0

Phân tích số liệu bảng 12 ta thấy: Đối với những người đổi sang nghề khác thì chủ yếu là những người làm ruộng (nông dân). Những người làm các nghề khác hoặc hưu trí chiếm tỷ lệ rất thấp (4,4% và 3,1% so với 23,1%). Những người nông dân phải chuyển sang một nghề khác vì họ mất đất sản xuất như ta đã phân tích ở trên, họ mất nghề đã gắn bó lâu đời của mình là làm nông nghiệp. Trong khi đó, những người hưu trí có thu nhập ổn định, những người làm các nghề khác chịu tác động ít hơn của việc mất đất sản xuất hơn là những người nông dân trực tiếp sản xuất nông nghiệp. Những người nông dân cũng là những người phải thay đổi công việc theo yêu cầu của xã hội hay đi làm thêm nhiều nhất, cao hơn nhiều so với các nhóm còn lại. Hệ số tương quan $p = 0,000$ ($< 0,05$) cho thấy, sự tương quan giữa các nhóm này là có ý nghĩa về mặt thống kê.

Qua số liệu bảng 13 ta thấy: sự chuyển đổi công việc, đổi sang nghề khác hay đi làm thêm của nhóm người mắc bệnh hiểm nghèo hay người tàn tật đều có tỷ lệ ý kiến cao hơn nhóm người cao tuổi. Điều này cho thấy, mặc dù có nhiều khó khăn về sức khỏe, thể lực, song những người mắc bệnh, tàn tật phải cố gắng nhiều hơn nhóm người cao tuổi để thích nghi với cuộc sống. Chúng tôi đã chứng kiến một số người bị mắc bệnh ung thư song vẫn cố gắng làm việc để lấy tiền chữa bệnh và lo việc gia đình. Trong những năm qua, nhiều người tàn tật được cộng đồng xã hội, Hội người Khuyết tật Việt Nam giúp đỡ để làm việc, kiếm sống. Nhiều người khuyết tật với nghị lực phi thường của mình đã vượt

lên những khiếm khuyết của cơ thể, sự hạn chế về sức khoẻ để làm việc, tự giải quyết những khó khăn trong cuộc sống của mình và gia đình.

Bảng 13: Thay đổi việc làm và nghề nghiệp của nhóm người cao tuổi, người mắc bệnh hiểm nghèo, người tàn tật (Theo nhóm yếu thế)

TT	Sự thay đổi	Nhóm yếu thế (%)		Chung
		Người cao tuổi	Người mắc bệnh, tàn tật	
1	Mở thêm mặt hàng kinh doanh	5,8	7,4	13,2
2	Thay đổi công việc theo yêu cầu xã hội	7,6	20,6	28,2
3	Đổi sang nghề khác	13,2	17,4	30,6
4	Đi làm thêm	9,2	18,8	28,0

Kết luận

Từ những phân tích ở trên ta thấy:

Trong số, những hoạt động sản xuất, kinh doanh của người yếu thế thực hiện để thích nghi với cuộc sống thì hoạt động phát triển chăn nuôi chiếm tỷ lệ cao nhất, tiếp đến là thay đổi kỹ thuật canh tác, chăn nuôi, áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất chiếm vị trí thứ hai, vị trí thứ ba là đầu tư cho sản xuất. Các hình thức hoạt động quan trọng như chuyển sang kinh doanh, làm thêm chiếm tỷ lệ thấp.

Chỉ có một tỷ lệ khá thấp số người yếu thế được hỏi trả lời họ có sự thay đổi việc làm, nghề nghiệp để thích ứng với cuộc sống. Tỷ lệ người yếu thế không thay đổi việc làm, nghề nghiệp chiếm đại đa số người được hỏi.

Có sự khác nhau giữa các nhóm yếu thế về mức độ thích ứng. Nhóm yếu thế là những người làm ruộng có sự thay đổi hoạt động, kinh doanh và công việc nhiều hơn nhóm hưu trí. Học vấn và giới tính cũng có ảnh hưởng đến mức độ thích ứng của các nhóm yếu thế.

Tài liệu tham khảo

Số liệu điều tra đề tài: “Thích ứng xã hội của các nhóm xã hội yếu thế ở nước ta hiện nay”, do GS.TS Vũ Dũng làm chủ nhiệm (2011 - 2012).